

HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ ĐEN Ở HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY

TS. Trịnh Thị Lan
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết đề cập tới hôn nhân của nhóm Hà Nhì Đen cư trú tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tác giả đã nêu ra một số quan niệm và nguyên tắc trong kết hôn, các nghi lễ trong hôn nhân truyền thống và hôn nhân trong những trường hợp đặc biệt của người Hà Nhì Đen. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và quá trình biến đổi xã hội, hôn nhân của người Hà Nhì Đen đã có những biến đổi nhất định (như tuổi kết hôn tăng lên, các tiêu chí chọn bạn đời được mở rộng hơn trước, tính chất mua bán trong hôn nhân đã giảm nhiều...). Tuy nhiên, thông qua hôn nhân và các nghi thức trong hôn nhân, người Hà Nhì Đen vẫn duy trì, bảo lưu nhiều giá trị văn hóa truyền thống tộc người (những nguyên tắc cơ bản của các nghi lễ truyền thống, tính giáo dục và cố kết cộng đồng...).

Từ khóa: Hôn nhân, Hà Nhì Đen, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Hà Nhì là một trong 6 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến ở Việt Nam, cư trú dọc biên giới thuộc ba tỉnh Lào Cai, Điện Biên và Lai Châu. Dựa vào trang phục và ngôn ngữ, người Hà Nhì được chia thành hai nhóm chính: Hà Nhì Đen và Hà Nhì Hoa (gồm hai nhóm nhỏ là Cò Chỏ và La Mí) (Chu Thùy Liên, 2004). Cho đến nay, người Hà Nhì vẫn còn bảo lưu được nhiều nét văn hóa truyền thống tộc người, một phần được thể hiện qua hệ thống các nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người, trong đó có hôn nhân. Bài viết đề cập đến hôn nhân của nhóm Hà Nhì Đen qua nhiên cứu tại hai xã Y Tý và Trịnh Tường ở huyện Bát Xát - một huyện biên giới nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Lào Cai, là địa bàn cư trú chủ yếu của nhóm Hà Nhì Đen với 3.996 người, chiếm 99,2% tổng số người Hà Nhì của tỉnh.

1. Một số quan niệm và nguyên tắc kết hôn

Cũng như nhiều dân tộc khác ở miền núi phía Bắc, người Hà Nhì nói chung và nhóm Hà Nhì Đen nói riêng duy trì hình thức hôn nhân một vợ một chồng, cư trú bên nhà chồng. Quan hệ hôn nhân của người Hà Nhì ít có sự ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến, trai gái được tự do yêu đương, tìm hiểu nhau trước khi kết hôn.

Nguyên tắc của người Hà Nhì Đen (từ đây viết là Hà Nhì) là không được kết hôn với những người cùng họ và những dòng họ khác đã “uống thề” là anh em, bởi quan niệm, đã kết nghĩa anh em nghĩa là cùng một họ. Theo một thông tin viên: “Ở Lao Chải (xã Y Tý, huyện Bát Xát) có một số dòng họ như: họ Phà và họ Cha; họ Trang và họ Phu; họ Chu, họ Lý và họ Sần đã uống thề đời đời là anh em nên con cháu của các dòng

họ này mãi mãi không được kết hôn với nhau” (nam, người Hà Nhì, 65 tuổi). Phong tục cũng không cho phép quan hệ hôn nhân giữa con chú, con bác, con dì, con già, con cô, con cậu. Người Hà Nhì cấm lấy đổi - nghĩa là không cho phép anh trai và em gái cùng lấy chị gái và em trai trong một nhà, cũng như hai anh em trai lấy hai chị em gái. Điều này cũng phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình của Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội đương thời của địa phương.

Do hoàn cảnh và điều kiện sống nên trong cộng đồng người Hà Nhì hiện vẫn phổ biến tâm lý thích được kết hôn với những người đồng tộc, vì họ cho rằng như vậy dễ hiểu nhau về văn hóa, gia đình hạnh phúc hơn và tâm lý: “*Gái dân tộc mình đẹp, không thích lấy gái dân tộc khác,...* *Gái (Hà Nhì) còn nhiều lắm*” (nam, 37 tuổi, người Hà Nhì Đen, xã Y Tý). Tuy nhiên, sự phát triển của nền kinh tế, cùng với quá trình trao đổi văn hóa giữa các dân tộc diễn ra mạnh mẽ trong quá trình cư trú xen kẽ, ngày nay cũng đã xuất hiện tình trạng hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc, tuy nhiên không phổ biến. Đồng thời, do đặc điểm cư trú nên ở một số địa bàn thuộc vùng biên giới đã xuất hiện hôn nhân xuyên biên giới, chủ yếu là hôn nhân giữa những người đồng tộc ở Trung Quốc.

Cũng như phần lớn các dân tộc khác, người Hà Nhì có những tiêu chí chọn vợ, kén chồng khá phổ biến. Theo đó, con gái phải hiền lành, ngoan ngoãn, mạnh khỏe, chăm chỉ bếp núc, thành thạo công việc gia đình, đồng ruộng và biết may vá. Con trai phải biết cày bừa, có ý thức xây dựng cuộc sống gia đình và là con trong những gia đình tử tế. Ngày nay, ngoài những tiêu chí truyền

thống như trên, đã xuất hiện một số tiêu chí mới như: có học thức, có công ăn việc làm, con em cán bộ, biết tính toán... với mong muốn sau này sẽ có cuộc sống gia đình tốt đẹp hơn.

Trước kia, người Hà Nhì thường kết hôn sớm, nữ từ 13 - 15 tuổi, nam từ 15 - 17 tuổi; nếu ngoài 20 tuổi mà chưa kết hôn thì bị coi là muộn. Ngày nay, tuổi kết hôn đã cao hơn so với trước, một phần do có sự hiểu biết về Luật Hôn nhân và Gia đình; phần khác, do lớp trẻ đã ý thức được việc kết hôn sớm khi chưa đủ điều kiện kinh tế thì sau này con cái sẽ khổ. Khi được hỏi, phần lớn đều cho rằng, tuổi kết hôn thích hợp nhất là 17 - 18 đối với nữ và 19 - 20 đối với nam. Đây cũng là một bước tiến trong nhận thức về hôn nhân và gia đình của người Hà Nhì. Nhiều cặp vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì họ hiểu rằng, ngoài sự công nhận của tổ tiên và cộng đồng, thì Giấy đăng ký kết hôn chính là bằng chứng được pháp luật công nhận họ đã trở thành vợ chồng. Tuy nhiên, khi đi sâu tìm hiểu thực tế, có một số ít trường hợp tảo hôn, mặc dù họ biết làm như vậy là không đúng với quy định của Nhà nước, nhưng gia đình vẫn tổ chức lễ cưới theo truyền thống của dân tộc; đợi đến khi đủ tuổi thì “đôi vợ chồng” ấy sẽ đi đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã.

Trai gái đến tuổi kết hôn được tự do tìm hiểu. Nếu bố mẹ nhà trai và nhà gái đều đồng ý, chàng trai định ngày đưa cô gái về nhà mình và báo tin cho nhà gái để cùng tổ chức đám cưới. Nếu gia đình nhà gái không đồng ý, đôi trai gái sẽ hẹn nhau đến một địa điểm nào đó, rồi chú rể đưa cô dâu về nhà trai làm đám cưới; vì thế, có gia đình không

biết con gái mình đã lấy chồng. Việc tìm hiểu giữa đôi trai gái là hoàn toàn tự do nên không có hiện tượng cưỡng hôn hay ép gả.

Gia đình của người Hà Nhì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nên hiện tượng ly hôn không xảy ra; nếu không bằng lòng trong cuộc sống hôn nhân, người phụ nữ Hà Nhì luôn cam chịu, chấp nhận. Người Hà Nhì rất chung thủy nên ít có tình trạng ngoại tình. Họ luôn coi trọng tình nghĩa vợ chồng và tin rằng, nếu ai đó ngoại tình thì tổ tiên, ma nhà sẽ biết và khi chết không được về trời cũng như phải chịu sự trừng phạt của thần linh.

Người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai không có tục ở rể; chỉ những gia đình không có con trai hoặc con còn quá nhỏ mới lấy rể ở đời hay ở một vài năm với mục đích thờ phụng tổ tiên hoặc giúp đỡ bố mẹ khi về già. Trong những trường hợp này, chàng rể không cần phải đổi họ sang họ vợ và được hưởng một phần tài sản khi bên vợ chia nhau tài sản của bố mẹ (Viện Dân tộc học, 1978, tr. 348).

2. Các nghi lễ trong hôn nhân

2.1. Nghi lễ trong hôn nhân bình thường

Nghi lễ trong hôn nhân là một trong các lễ thức quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người. Theo truyền thống, hôn nhân phải do bố mẹ hai bên đồng ý và được tổ chức qua các nghi lễ chính sau: dạm hỏi, cưới, lại mặt.

- *Lễ dạm hỏi*: Đây là nghi lễ đầu tiên và quan trọng trong tục lệ hôn nhân. Khi người con trai đến tuổi lấy vợ, họ sẽ chủ động tìm bạn đời của mình thông qua hội hè, nghi lễ cộng đồng, lễ tết, đi thăm hỏi họ hàng hoặc các hoạt động văn hóa, sản xuất. Qua một thời gian tìm hiểu nhau, nếu ưng thuận đôi trai gái quyết định đi tới hôn nhân.

Sau khi được gia đình hai bên đồng ý, nhà trai sẽ cho người sang nhà cô gái để dạm hỏi. Nghi thức dạm hỏi của người Hà Nhì được tổ chức rất đơn giản với lễ vật chỉ gồm một con gà, một chai rượu để đánh tiếng cho người khác biết là cô gái này đã có người đến đặt vấn đề. Mục đích của lễ dạm hỏi là hai bên gia đình bàn bạc, thống nhất để quyết định chọn ngày cưới, đồ thách cưới cũng như cách thức tổ chức đám cưới.

Trước kia, việc thách cưới thường rất nặng nề, đồ thách cưới thường được tính bằng bạc trắng, ít nhất cũng phải một trăm đồng bạc hoa xòe. Chính vì vậy, nhiều gia đình vì hoàn cảnh nghèo khó, nhiều đôi trai gái yêu nhau nhưng không có điều kiện kinh tế để tổ chức đám cưới nên chỉ về ở với nhau. Ngày nay, việc thách cưới chỉ mang tính tượng trưng, một số thủ tục mang nặng tính lễ nghi đã được giản lược. Lễ vật thách cưới của người Hà Nhì thường gồm có 200 gói gạo nếp, 100 quả trứng, 1 con lợn (trước đây thì tùy từng gia đình, bây giờ khoảng 60 - 70kg), rượu, 2 - 3 đồng bạc trắng (không được quy thành tiền), một đôi gà (1 con trống, 1 con mái) và một ít tiền mặt. Đôi khi lễ vật thách cưới (thịt lợn, rượu...) được quy đổi thành tiền mặt do hai bên gia đình thỏa thuận hay tùy vào điều kiện kinh tế của gia đình nhà trai. Ngoài những lễ vật truyền thống, ngày nay, đồ lễ thách cưới còn gồm một số loại mới như: bánh kẹo, thuốc lá, chè, nước ngọt,... Đây là những mặt hàng dễ dàng mua được tại các chợ phiên hoặc những cửa hàng ở trung tâm xã. Như vậy, tính chất mua bán trong hôn nhân tuy vẫn còn nhưng đã giảm đi nhiều; đây cũng là một xu hướng phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.

- *Lễ cưới*: Người Hà Nhì ở Bát Xát thường chọn ngày tốt để tổ chức lễ cưới, tránh những ngày trùng với ngày sinh, tháng

sinh, năm sinh của đôi trẻ. Đồng bào tổ chức lễ cưới sau khi ăn mừng lúa mới, tức là vào khoảng từ tháng 10 dương lịch đến trước tháng 3 dương lịch năm sau. Lễ cưới của người Hà Nhì ở Bát Xát thường được tổ chức làm hai lần. Cụ thể như sau:

+ *Lễ cưới lần thứ nhất (su mi y)*: Trong trường hợp hôn nhân được cả hai bên cha mẹ đồng ý, chàng trai thưa chuyện với bố mẹ để thống nhất chọn ngày tốt. Vào ngày đã chọn, chú rể đi cùng một người con trai, một người con gái chưa lập gia đình sang nhà gái, cô gái vào nhà gọi cô dâu ra để đi về nhà trai. Thường sẽ có mấy người bạn cùng cô dâu sang nhà chồng; nếu nhà chú rể ở xa, các bạn cô dâu đi đến nửa đường có thể quay trở về. Tùy thuộc dựa vào khoảng cách giữa hai nhà, chú rể và cô dâu phải tính toán thời gian sao cho kịp làm lễ vào buổi tối tại nhà trai. Khi đoàn đón dâu về đến cửa nhà trai, người cô của chú rể cầm một gáo nước lần lượt rửa chân cho chú rể, phù rể, phù dâu và cuối cùng là cô dâu trước khi họ bước vào nhà. Sau khi cô dâu đi qua cửa chính, một người phụ nữ lớn tuổi có gia đình hạnh phúc tay cầm đuốc đứng chờ sẵn để đeo cho cô dâu. Lúc này, chú rể đã vào nhà trước đứng chờ ở phía trong, cô dâu đi vào thả đuốc xuống và chú rể nhanh tay đỡ lấy. Nếu chú rể đỡ được chiếc đuốc đó nghĩa là anh ta kiểm soát được cô dâu và gia đình của họ sau này sẽ hạnh phúc; ngược lại, nếu chú rể không đỡ được thì gia đình của họ sẽ không hạnh phúc và cô dâu sẽ là người phản bội trước.

Tiếp sau đó, chú rể bắt một con gà trống làm thịt để làm lễ trình báo tổ tiên, gọi là lễ *su mi y*. Khi bắt gà, chú rể phải làm cho con gà kêu thật to để chứng tỏ cô dâu là người tốt, có tấm lòng trong sáng. Lễ vật để cúng trình báo tổ tiên gồm: thịt gà, trứng,

com, rượu,... Người chủ lễ thường là anh trai chú rể đã có gia đình và/hoặc chưa tái hôn, nếu không có thì phải nhờ một người già trong thôn đứng ra làm chủ lễ. Gia chủ báo cáo với tổ tiên rằng từ nay gia đình có thêm một thành viên mới về làm dâu (đọc tên cô dâu). Sau khi cúng tổ tiên, chủ lễ lấy hai cái đùi gà, bỏ đôi quả trứng đặt vào bát com của cô dâu và chú rể. Bát com của chú rể để nửa quả trứng đặt ngửa lên, bát com cô dâu đặt nửa quả trứng úp xuống, cả hai cùng ăn tượng trưng rồi đem chia cho những đứa trẻ trong nhà để cầu phúc cho đôi vợ chồng trẻ.

Sáng hôm sau ngày làm lễ *su mi y*, nhà trai mang đồ thách cưới sang nhà gái để làm đám cưới (*già mi du đo*). Đến lúc này, cô dâu và chú rể cùng nhau về tổ chức đám cưới bên nhà gái. Khi về, họ phải đi cùng hai người đã sang thông báo cho nhà gái trước đó và một cô em gái chưa chồng (nếu không có em ruột, có thể thay bằng em họ hoặc hàng xóm). Lễ vật nhà trai đem sang nhà gái lúc này gồm có một chai rượu, com nếp và một quả trứng để hỏi về đồ thách cưới trong lễ cưới lần thứ hai. Đám cưới bên nhà gái chỉ được tổ chức vào buổi tối, cưới xong thì đoàn về nhà trai.

Trong trường hợp nhà cô gái không đồng ý, đôi trai gái sẽ hẹn nhau tại một địa điểm nào đấy, chàng trai cùng một số người bạn đến đưa cô gái về nhà trai làm lễ *su mi y*. Sáng hôm sau, nhà trai cử hai người đàn ông sang thông báo cho nhà gái biết là con gái của ông bà đã được làm lễ *su mi y*. Khi đi, họ mang theo một cặp xôi nếp bên trong có trứng và một chai rượu để hỏi xem nhà cô gái có đồng ý cho đôi trẻ kết hôn không. Nếu đồng ý, nhà gái mở gói gạo nếp; nếu không đồng ý thì nhà gái không mở lễ vật

này. Nếu rơi vào trường hợp thứ 2, thì đoàn nhà trai ra về, lần sau tiếp tục sang xin lần nữa. Có những đám cưới, nhà trai phải sang tới 3 lần mới được nhà gái chấp thuận. Có nhiều gia đình chờ đến khi đôi trẻ có con đầu lòng thì mới chấp thuận cho đôi trẻ lấy nhau.

+ *Lễ cưới lần thứ hai (jù đo y)*: Lễ cưới lần thứ hai là để thông báo, đôi vợ chồng vẫn sống hạnh phúc và báo hiếu bố mẹ nhà gái đã có công sinh thành, nuôi nấng cô dâu. Các lễ vật trong lần cưới này được hai gia đình thống nhất từ lần cưới trước: thông thường nhà trai phải chuẩn bị khoảng 100 đôi nếp, 100 quả trứng, một con lợn khoảng 70 - 80kg, 60 lít rượu, 5 - 10 đồng bạc trắng, một cặp gà luộc và tiền mặt tùy thuộc vào điều kiện kinh tế nhà trai. Khi cưới lần hai, gia đình cũng chọn ngày rất cẩn thận, tránh những ngày xấu của gia đình chú rể và các ngày Thìn, ngày Mùi vì cho rằng đó là những ngày chỉ được nhận, chứ không được cho.

Cưới lần thứ hai tốn kém hơn nhiều so với cưới lần thứ nhất, vì bên nhà gái thường tổ chức ăn uống trong khoảng 1 - 2 ngày và mọi chi phí liên quan đều do nhà trai chi trả. Khách của nhà gái, ngoài những người trong làng và dòng họ, đôi khi còn có cả anh em ở bên kia biên giới về dự. Vì thế, người Hà Nhì Đen chỉ tổ chức đám cưới lần hai khi kinh tế gia đình đã ổn định. Có nhiều cặp vợ chồng sống với nhau có con, cháu nhưng vẫn chưa đủ điều kiện cưới lần hai; thậm chí, có người đến lúc chết vẫn không thực hiện được. Theo quan niệm của người Hà Nhì, nếu không tổ chức đám cưới lần hai, khi chết đi, linh hồn của hai vợ chồng ở thế giới bên kia sẽ không nhận ra nhau. Vì vậy, đối với những trường hợp này, gia đình phải “làm

lý” với lễ vật gồm: 10 cặp xôi nếp, một con lợn bé, một đôi gà, 10 - 20 lít rượu mang sang mời họ hàng nhà gái ăn một bữa cơm.

Đám cưới bên nhà trai thường đơn giản, ít tốn kém hơn nhà gái. Một thông tin viên cho biết: “*Cưới con trai chỉ 2 - 3 mâm thôi. Con gái thì đông. Khi cưới con gái thì đồ ăn là do nhà trai mang đến cho,... Cơm xôi, con lợn, rượu, trứng gà*”. “*Tối hôm đón dâu thì mình đi từng nhà mời, họ đến cũng được, không cũng được. Mổ mấy con gà thôi, có khoảng 4, 5 mâm. Bên nhà vợ mổ lợn ăn. Nhà trai mang lợn sang nhà gái ăn. Nhà gái làm to, ăn khoảng 15 - 20 mâm*” (nam, người Hà Nhì, 56 tuổi, xã Y Tý).

Trong lễ cưới, cô dâu và chú rể mặc các trang phục truyền thống của dân tộc. Hiện nay, họ cũng đưa nhau đi chụp ảnh cưới tại các cửa hàng áo cưới trong huyện để làm kỷ niệm về sau. Quà mừng đám cưới cũng có nhiều khác biệt so với trước kia: những vật phẩm như gà, lợn, gạo, rượu... đã được thay bằng tiền mặt; giá trị tiền mặt nhiều hay ít phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của gia đình và mối quan hệ của cô dâu, chú rể với khách mời

- *Lễ lại mặt (mà gụ ly mù)*: Lễ lại mặt của người Hà Nhì được thực hiện sau đám cưới vài ngày. Nhà trai chọn ngày lành cho đôi vợ chồng trẻ về lại mặt gia đình bên vợ. Đôi vợ chồng trẻ ở lại nhà vợ vài ba hôm rồi quay về sinh sống hẳn bên nhà chồng. Từ đó trở đi, khi nào cô gái nhớ nhà hay gia đình có công việc thì xin phép nhà chồng về thăm nhà.

2.2. Nghi lễ trong trường hợp hôn nhân đặc biệt

Người Hà Nhì Đen ở Bát Xát còn có hình thức cưới không qua lễ dạm hỏi, do điều kiện kinh tế nhà trai khó khăn, chàng

trais mô côi không đủ khả năng tổ chức đám cưới theo nghi lễ chung, bố mẹ cô gái không đồng ý tác thành cho cuộc hôn nhân này, hoặc hai người đã góa vợ, góa chồng. Trong trường hợp đó, người con trai xin ý kiến bố mẹ và định ngày đưa cô gái về nhà, còn người con gái có thể không cần phải thông báo cho bố mẹ của mình biết.

Chàng trai cùng một vài người bạn hẹn cô gái đến một địa điểm nào đó rồi đón cô gái về nhà mình. Gia đình làm thịt một con gà, sắm một mâm cơm cúng ông bà tổ tiên để tổ tiên nhận mặt con dâu vào dòng họ; từ đó, cô dâu được ở hẳn bên nhà chồng. Sau lễ này, ngay ngày hôm sau, nhà trai đem lễ vật gồm: chai rượu, con gà và quả trứng sang nhà gái để thông báo cho nhà gái biết là con gái họ đã về làm dâu và được nhập ma nhà trai. Những đám cưới như thế này không cần tổ chức cưới lần thứ hai, hình thức rất đơn giản và ít tốn kém so với đám cưới theo đúng nghi lễ truyền thống.

2.3. Vai trò của nghi lễ hôn nhân trong đời sống văn hóa tộc người

Nghiên cứu thực tế về người Hà Nhi cho thấy, nghi lễ nói chung và nghi lễ hôn nhân nói riêng có một vai trò quan trọng trong đời sống tộc người, phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan qua các quan niệm và thực hành những dạng thức nghi lễ, có ý nghĩa thiết thực trong đời sống tinh thần của đồng bào. Vai trò đó được thể hiện qua các lĩnh vực sau:

- *Góp phần tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong cộng đồng và gia đình:* Các nghi lễ tộc người, trong đó có nghi lễ trong hôn nhân, được hình thành trong một quá trình lâu dài

và là phương tiện quan trọng để truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống đến thế hệ sau. Nghi lễ là môi trường thuận lợi để tăng cường, thắt chặt tình đoàn kết giữa các thành viên trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Khi thực hành các nghi lễ, những thành viên trong gia đình, cộng đồng có cơ hội đoàn tụ, sẻ chia. Đây chính là lúc mọi người bỏ qua những mâu thuẫn thường ngày để gần gũi, hiểu biết và thông cảm với nhau hơn. Đến với nghi lễ, người ta mang theo sự cảm thông để chia sẻ cùng nhau, làm cho niềm vui của gia đình được nhân lên và cầu mong sự an lành cho mọi người. Trong không gian thực hành các nghi lễ đó, anh em, hàng xóm, bạn bè ở trong và ngoài cộng đồng, thậm chí khác quốc tịch có cơ hội gặp gỡ, trò chuyện nên họ cũng trở nên cởi mở, gần gũi, thân thành với nhau hơn. Có thể nói, nghi lễ chính là chiếc cầu nối để con người tìm đến với nhau, xây dựng lòng nhân ái, sự yêu thương, gắn bó trong gia đình, cộng đồng và tộc người.

- *Nghi lễ là phương tiện biểu hiện đặc trưng văn hóa tộc người:* Nghi lễ là hình thức sinh hoạt văn hóa tộc người bao gồm nhiều yếu tố: quan niệm và nghi thức cúng tế, lễ phục, âm thực, văn nghệ dân gian,... Các thành tố này có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau để cùng tồn tại, phát triển. Mỗi khi thực hành nghi lễ, tất cả các thành tố này lại được thực hành và lưu truyền. Thông qua đó, các giá trị văn hóa tộc người được biểu đạt một cách sâu sắc cả về hình thức và nội dung, như trong quá trình thực hành nghi lễ. Trong hôn nhân, người Hà Nhi luôn giữ đúng các nguyên tắc chung của tộc người, cha mẹ, ông, bà mới là những người có vai trò rất lớn, là những người chịu

trách nhiệm chính trong các nghi lễ. Hầu hết các cuộc hôn nhân của người Hà Nhi đều được cha mẹ đồng ý, số ít các bạn trẻ ban đầu bị cấm đoán đều cố gắng để được gia đình chấp nhận. Khi thực hành các nghi lễ, người Hà Nhi bao giờ cũng mặc trang phục truyền thống với hai màu chủ đạo là màu đen và màu chàm, nói ngôn ngữ riêng của dân tộc. Đó là những đặc điểm tộc người được nhận biết đầu tiên khi tiếp xúc trong nghi lễ. Lời cúng là những suy nghĩ chân thành ở trong đầu hay các câu nói nôm na, đơn giản, rất mộc mạc như ngôn ngữ hàng ngày, tạo cảm giác thân thuộc gần gũi. Lễ vật trong các nghi lễ hoặc trao đổi giữa hai bên gia đình thể hiện văn hóa truyền thống tộc người. Đó chủ yếu là những sản vật do chính người dân làm ra như: xôi nếp, đôi gà, rượu, trứng... Qua đó, có thể nhận thấy đời sống kinh tế của người Hà Nhi chủ yếu là nông nghiệp, lấy canh tác lúa nước và chăn nuôi gia súc, gia cầm làm chủ đạo. Tuy đã xuất hiện một số yếu tố mới trong nghi lễ do sự giao lưu, tiếp biến văn hóa với các tộc người khác, nhưng về cơ bản, vẫn chưa thể làm mất đi những đặc trưng của tộc người Hà Nhi.

- Góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tộc người: Các nghi lễ trong hôn nhân của người Hà Nhi được hình thành và phát triển cùng với quá trình sinh tồn và phát triển của lịch sử tộc người, vì vậy có thể xem đó là một phần di sản văn hóa của dân tộc. Trao truyền các giá trị văn hóa cũng là quá trình lưu giữ những tinh hoa văn hóa tộc người, bảo lưu những nét đẹp trong quan niệm và cách thức thực hành văn hóa. Đối tượng để trao truyền văn hóa truyền thống hiện nay là những người được sinh ra

và lớn lên trong xã hội hiện đại, không có nhiều cơ hội tiếp xúc với văn hóa truyền thống. Do đó, quá trình tham gia vào các nghi lễ truyền thống, trong đó có nghi lễ hôn nhân giúp họ hình dung và cảm nhận một cách thiêng liêng, sâu sắc những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người, để từ đó hình thành ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người tốt đẹp còn phù hợp trong đời sống hiện nay.

Thông qua các quan niệm và sinh hoạt của nghi lễ, một phần tri thức và văn hóa tộc người được duy trì, sáng tạo, trao truyền giữa các thế hệ trong cộng đồng và lan tỏa sang các cộng đồng khác. Tinh cốt kết dân tộc, cộng đồng và gia đình một phần cũng được thể hiện qua niềm tin và cách thức thực hành các nghi lễ. Như vậy, nghi lễ là một trong những thành tố văn hóa mang đậm dấu ấn tộc người, nghiên cứu nghi lễ đã góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tộc người, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của dân tộc Hà Nhi.

Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, hôn nhân của người Hà Nhi Đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, vẫn giữ được những nguyên tắc truyền thống dân tộc, như: không lấy người cùng họ, hôn nhân là tự nguyện của đôi trai gái, các nghi lễ trong hôn nhân vẫn được người dân thực hành đầy đủ qua các bước. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và quá trình biến đổi xã hội, hôn nhân của người Hà Nhi đã có những biến đổi theo chiều hướng tích cực. Cụ thể là, tuổi kết hôn đã cao hơn trước, phù hợp với quy định của Nhà nước; một số thủ tục mang nặng tính lễ

ngôi đã được giản lược cho phù hợp với sự phát triển chung của xã hội; tính chất mua bán trong hôn nhân thể hiện qua tục thách cưới không còn nặng nề như trước nữa; quá trình cư trú xen kẽ giữa các dân tộc là điều kiện thuận lợi cho hôn nhân hỗn hợp giữa các tộc người bắt đầu diễn ra. Đây là một trong những thay đổi cơ bản trong hình thức và quan niệm về hôn nhân của đồng bào. Bên cạnh đó, điều kiện sinh sống ở vùng biên giới cũng bắt đầu làm xuất hiện tình trạng kết hôn xuyên biên giới, cho dù chủ yếu là sự kết hôn giữa những người đồng tộc. Dù đã có những thay đổi nhất định nhưng hôn nhân của người Hà Nhì ở Bát Xát, Lào Cai hiện nay vẫn duy trì, bảo lưu nhiều giá trị văn hóa truyền thống tộc người.

1. Trịnh Thị Lan (2015), “Một số biến đổi trong hôn nhân của người Hà Nhì ở xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 10 (187), tr. 74-79.

2. Trịnh Thị Lan (2016), *Nghi lễ của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Chu Thùy Liên (2004), *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.



Trang phục trong đám cưới của người Hà Nhì ở xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Trịnh Thị Lan, chụp năm 2015